

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2020/DS - ST

Ngày: 23 - 9 - 2020

V/v “*tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “hợp đồng ủy quyền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2020/QĐXX-ST ngày 29/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Đỗ Quốc Th, sinh năm 1961.

- Bà Phan Thị R, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Hoàng D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2020, có mặt).

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Q, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng Lê Ngọc M (vắng mặt, xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Lê Ngọc M: Ông Lê Ngọc M; chức vụ: Trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của của nguyên đơn ông Thái Hoàng D trình bày:

Ngày 06/01/2020, ông Th, bà R vay bà Q số tiền 100.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền cùng ngày, các bên đều ký tên trong giấy mượn tiền. Ông Th, bà R có thể chấp cho bà Q 01 bản chính giấy CNQSD đất số M579452, số thửa 13, diện tích 2.270m². Ngoài việc lập giấy mượn tiền, bà Q còn yêu cầu ông Th, bà R phải ký kết hợp đồng ủy quyền vào sổ chứng thực số 508, quyển số 01/2020- TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2020 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc M đối tượng ủy quyền là một phần thửa đất 13, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.229m² tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An theo giấy CNQSD đất số M579452, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00253 QSDĐ/0708-LA, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Đỗ Quốc Th ngày 09/9/1998. Thực chất hợp đồng ủy quyền này là giả cách để đảm bảo cho khoản vay 100.000.000 đồng.

Khi ông Th, bà R có đủ số tiền 100.000.000 đồng để hoàn trả cho bà Q, ông Th, bà R nhiều lần liên hệ với bà Q để trả tiền và yêu cầu bà Q trả lại bản chính giấy CNQSD đất nêu trên thì bà Q không đồng ý.

Tại đơn khởi kiện ban đầu, ông Th, bà R yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Th, bà R xác định lại yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

1. Yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R với bà Dương Thị Q; vào sổ chứng thực số 508, quyển số 01/2020- TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2020 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc M do giả cách nhằm che giấu hợp đồng vay.

2. Yêu cầu bà Q phải trả lại cho ông Th, bà R 01 bản chính giấy CNQSD đất số M579452, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00253 QSDĐ/0708-LA, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Đỗ Quốc Th ngày 09/9/1998 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đối với hợp đồng vay tiền (theo giấy mượn tiền ngày 06/01/2020), ông Dũng đại diện cho nguyên đơn trình bày, ông Th, bà R sẽ tự nguyện trả lại bà Q số tiền 100.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị Q có văn bản trình bày:

Vào ngày 06/01/2020, bà có cho ông Th, bà R vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất và thời hạn vay không ghi trong giấy mượn tiền. Chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà và ông Th, bà R. Khi vay, ông Th, bà R có thể chấp cho bà 01 bản chính giấy CNQSD đất số M579452, số thửa 13, diện tích còn lại là 1.229m². Ngoài ra, 02 bên còn ký kết hợp đồng ủy quyền vào sổ chứng thực số 508, quyển số 01/2020- TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2020 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc M, đối tượng ủy quyền là phần đất vừa nêu. Mục đích của việc làm hợp đồng ủy quyền là để đảm bảo cho khoản vay chứ bà chưa chuyển nhượng đất cho bất kì ai, ông Th vẫn đứng tên trên giấy CNQSD đất. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay, ông Th, bà R không đóng lãi cho bà cũng không trả tiền gốc. Nay, ông Th, bà R khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, yêu cầu bà

trả lại giấy CNQSD đất, bà đồng ý nhưng hiện giấy CNQSD đất đang do anh trai bà là ông Nguyễn Thanh T đang cất giữ, bà không nhớ năm sinh và địa chỉ của ông Tú. Bà sẽ sắp xếp thời gian để trả lại giấy CNQSD đất cho ông Th với điều kiện, ông Th bà R phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng bà đang giữ. Bà sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Lê Ngọc M có văn bản trình bày:

Ngày 16/01/2020, Văn phòng công chứng Lê Ngọc M có tiếp nhận yêu cầu công chứng hợp đồng ủy quyền sử dụng đất giữa ông Th, bà R với bà Q, đối tượng ủy quyền là thửa đất 13, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.229m² tọa lạc tại thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy CNQSD đất số M579452, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00253 QSDĐ/0708-LA, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Đỗ Quốc Th ngày 09/9/1998. Sau khi xem xét các giấy tờ và các bên không yêu cầu xác minh, công chứng viên đã giải thích rõ nội dung hợp đồng cho các bên nghe. Các bên cam kết đã hiểu rõ nội dung hợp đồng và đồng ý ký tên vào hợp đồng, công chứng viên đã chứng nhận hợp đồng ủy quyền giữa ông Th, bà R với bà Q.

Văn phòng công chứng Lê Ngọc M xác nhận đã thực hiện việc công chứng hợp đồng ủy quyền nêu trên đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và xác định không có yêu cầu, không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án, cam kết không khiếu nại khi Tòa án xét xử vắng mặt theo nội dung đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, thư ký, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020 giữa ông Th, bà R với bà Q, buộc bà Q phải trả lại bản chính giấy CNQSD đất số M579452 cho ông Th, bà R và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý trả lại bị đơn số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/01/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020, buộc bà Q phải trả lại ông Th, bà R 01 bản chính giấy CNQSD đất số M579452. Tuy giấy tờ đất không phải là giấy tờ có giá hay quyền về tài sản quy định tại Điều 105, Điều 115 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 nhưng yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với giấy mượn tiền ngày 06/01/2020 và hợp

đồng ủy quyền ngày 16/01/2020, việc giải quyết trong cùng vụ án là cần thiết nên Tòa án thụ lý yêu cầu này và xác định quan hệ tranh chấp là “hợp đồng ủy quyền”.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Q có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Thái Hoàng D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành công khai chứng cứ. Bị đơn bà Dương Thị Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án; đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[3] Về nội dung:

Tranh chấp của các đương sự liên quan đến “*Hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020*” giữa ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R với bà Dương Thị Q, và giấy CNQSD đất số M579452.

Xét yêu cầu tuyên bố vô hiệu “*Hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020*”

Mặc dù giao dịch vay tiền của các đương sự được xác lập ngày 06/01/2020 (thể hiện qua giấy mượn tiền cùng ngày); đến ngày 16/01/2020, các bên mới ký kết hợp đồng ủy quyền và nội dung ủy quyền chỉ liên quan đến việc định đoạt thửa đất 13, tờ bản đồ số 1, không có nội dung nào thể hiện việc ủy quyền để đảm bảo cho khoản vay 100.000.000 đồng nhưng các đương sự đều thừa nhận, ngày 06/01/2020, bà Q có cho ông Th, bà R vay số tiền 100.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền ngày 06/01/2020. Đến ngày 16/01/2020, các bên ký kết hợp đồng ủy quyền, chứng thực số 508, quyển số 01/2020- TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc M, đối tượng ủy quyền là một phần thửa đất 13, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.229m² tọa lạc tại thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy CNQSD đất số M579452, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00253 QSDĐ/0708-LA, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Đỗ Quốc Th ngày 09/9/1998. Mục đích ký kết hợp đồng ủy quyền là đảm bảo cho khoản vay 100.000.000 đồng, bà Q chỉ giữ bản chính giấy CNQSD đất của ông Th còn đất vẫn do ông Th, bà R quản lý sử dụng và bà Q chưa chuyển nhượng phần đất này cho bất kỳ ai. Tại đơn khởi kiện ban đầu ông Th, bà R yêu cầu hủy *Hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020* và yêu cầu bà Q trả lại bản chính giấy CNQSD đất số M579452, bà Q cũng đồng ý với điều kiện ông Th, bà R phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, sau đó bà Q vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác định hiện trạng một phần thửa đất 13, tờ bản đồ số 01 là đất trống, không có công trình kiến trúc trên đất, ông Th là người quản lý, sử dụng và tại Văn bản trả lời số 2596/CV-CN.VPĐKĐĐ ngày 18/8/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Hòa, hiện nay, phần còn lại thửa 13, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.229m² tọa lạc tại thị trấn Hậu Nghĩa vẫn do ông Đỗ Quốc Th đứng tên trên giấy CNQSD đất. Qua đó có cơ sở kết luận hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020 giữa ông Th, bà R với bà Q là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài

sản giữa các bên. Khoản 1 Điều 124 BLDS 2015 quy định “ Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020 giữa ông Th, bà R với bà Q.

Xét yêu cầu đòi lại bản chính giấy CNQSD đất số M579452 mang tên Đỗ Quốc Thành.

Tại văn bản trình bày ý kiến, bà Q thừa nhận, khi cho ông Th, bà R vay số tiền 100.000.000 đồng, ông Th, bà R có thể chấp cho bà 01 bản chính giấy CNQSD đất số M579452, số thửa 13, tờ bản đồ số 1, diện tích còn lại là 1.229m², tọa lạc thị trấn Hậu Nghĩa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 317 BLDS 2015 “Thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia”. Đồng thời, giấy CNQSD đất không phải là giấy tờ có giá hay quyền về tài sản quy định tại Điều 105, Điều 115 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, việc bà Q giữ bản chính chính giấy CNQSD đất số M579452 của ông Th để đảm bảo cho khoản vay 100.000.000 đồng là trái quy định pháp luật.

Bà Q còn trình bày, bà cũng đồng ý trả lại nguyên đơn bản chính giấy CNQSD đất nhưng hiện bản chính giấy CNQSD đất do anh trai bà là ông Lê Thanh T cất giữ nên bà chưa trả được. Tòa án đã có thông báo yêu cầu bà Q trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phải cung cấp cho Tòa án năm sinh, địa chỉ của ông Tú nhưng bà Q đã không thực hiện theo nội dung thông báo và cũng không có ý kiến phản hồi. Xét việc giao nhận bản chính giấy CNQSD đất chỉ diễn ra giữa ông Th, bà R với bà Q. Đại diện nguyên đơn xác nhận, ông Th giao trực tiếp bản chính giấy CNQSD đất cho bà Q, bà Q là người nhận, không thông qua bất kì ai, bà Q cũng thừa nhận “khi vay ông Th có thể chấp cho tôi quyền sử dụng đất số M579452”. Đồng thời, trong giấy mượn tiền ngày 06/01/2020 và hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020, chủ thể của giao dịch đều là ông Th, bà R và bà Q, không có nội dung nào chứng minh có ông Nguyễn Thanh T đang giữ bản chính giấy CNQSD đất của ông Th như lời bà Q trình bày. Qua đó, đủ cơ sở kết luận, lời trình bày của bà Q về việc ông T nào đó đang giữ bản chính giấy CNQSD đất của ông Th là không có căn cứ. Bà Q là người trực tiếp nhận và giữ bản chính giấy CNQSD đất số M579452 của ông Th là trái quy định pháp luật thì bà Q phải có nghĩa vụ trả lại ông Th. Nên yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn cũng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020 giữa ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R với bà Dương Thị Q vô hiệu, buộc bà Dương Thị Q phải trả lại ông Th, bà R bản chính giấy CNQSD đất số M579452.

Đối với hợp đồng vay (thể hiện qua giấy mượn tiền ngày 06/01/2020) giữa bà Q với ông Th, bà R. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo số 153/TB-TA ngày 30/3/2020 về việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố của bị đơn cho bà Q nhưng bà Q không thực hiện và không có ý kiến phản hồi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Dũng đại diện cho nguyên đơn trình bày, nguyên đơn sẽ tự

nguyên trả lại cho bà Q số tiền 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận: Ông Đỗ Quốc Th và bà Phan Thị R đồng ý tự nguyện trả cho bà Dương Thị Q số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/01/2020.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Q phải chịu 2.000.000 đồng. Ông Th đã nộp và chi xong, bà Q có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Th.

[5] Về án phí: Bà Dương Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 124, 562 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R đối với bà Dương Thị Q về “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Tuyên bố hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2020 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc M, số vào sổ chứng thực 508, quyển số 01/2020- TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R với bà Dương Thị Q vô hiệu.

Buộc bà Dương Thị Q phải giao trả cho ông Đỗ Quốc Th, bà Phan Thị R một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M579452, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00253 QSDĐ/0708-LA, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Đỗ Quốc Th ngày 09/9/1998 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Q có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Th số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Dương Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước. Hoàn lại cho ông Đỗ Quốc Th số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004965 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn Hùng – Nguyễn Thanh Hoàng

Lê Thị Tho

